

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bản án số: 142/2021/HC-PT

Ngày: 23/6/2021

*V/v: Khiếu kiện văn bản trả lời về việc
không đình chính GCNQSDĐ và quyết
định giải quyết khiếu nại*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Hải Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 566/2020/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc khiếu kiện “Văn bản trả lời về việc đình chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định giải quyết khiếu nại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HCST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4541/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958; nơi ĐKKHKT: Tổ 29, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 1, ngõ 362/36 phố N, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn N - Công ty Luật TNHH A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội; trụ sở: Số 6 phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kiều O - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân quận H: Ông Nguyễn Viết C - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường quận H, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội; trụ sở: Số 18 đường K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hải Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H1 - Công chức địa chính xây dựng và bà Lê Thu T1 - Công chức tư pháp phường; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; nơi ĐKKTT: Tổ 29, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 1, ngõ 362/36 phố N, tổ 5 phường T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2017 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 03/5/1994, gia đình ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư của gia đình ông Đỗ Văn Đ tại xóm 3, Nam D (nay là tổ 5 phường T, quận H, Hà Nội) với diện tích sử dụng là 117m² (chưa tính diện tích rãnh thoát nước của làng chạy qua). Quá trình sử dụng, gia đình đã làm công hóa để bảo đảm vệ sinh và chống sạt lở khi nước ngập.

Theo hệ thống bản đồ đo vẽ năm 1995 thửa đất nêu trên của gia đình ông thuộc thửa số 67 - tờ 06 - diện tích là 130 m².

Ngày 02/9/2003, ông H có đơn xin phép làm nhà gửi Ủy ban nhân dân xã T. Đơn này đã được Ủy ban nhân dân xã T chỉ đạo ngày 08/11/2003 như sau: “Đóng góp cơ sở hạ tầng với thôn Nam D cho Trưởng thôn như đã được thoả thuận và chờ khi có ý kiến chỉ đạo của xã và thôn”.

Tuy nhiên, do đã tập kết nguyên vật liệu nên ông vẫn phải xây dựng trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của chính quyền địa phương. Diện tích xây dựng nằm trong Biên bản kiểm tra mốc giới đất ngày 20/02/2003, nhưng vì chưa được chính quyền đồng ý nên ngày 27/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ra Quyết định số 112/QĐ- CTUB về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai. Quyết định đó ghi xử phạt: 500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là: “Gia đình ông H phải khôi phục lại hiện trạng như trước khi bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra (hẹn đến hết ngày 28/11/2003).

Ngày 24/12/2003, ông H có đơn xin đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong đơn này ông trình bày và đã được lãnh đạo thôn Nam D, cùng đại diện các ban ngành của địa phương thống nhất: *Đồng ý hợp thức hoá mảnh đất gia đình ông đang ở như đã xây tường bao quanh ba phía và phía ngoài bờ ao được chiếu thẳng tường nhà chú H2 con trai ông L đang ở, không tính chính xác là được hợp thức hóa bao nhiêu mét vuông.*

Ngày 25/12/2003, ông đã đóng góp cho địa phương số tiền là: 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng), có phiếu thu ngày 25/12/2003 kèm theo và ngày 01/02/2004 đơn của ông đã được Ủy ban nhân dân phường T đồng ý và xác nhận.

Sau khi được hợp thức hóa, gia đình ông được phép tiếp tục xây dựng ngôi nhà 03 tầng và tường rào bao quanh như hiện nay. Ngôi nhà 03 tầng và khuôn viên của thửa đất đã được xây dựng xong và gia đình ông đã sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Như vậy, diện tích đất ông đã nộp tiền đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương để được hợp thức hoá việc sử dụng đất và gia đình đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Kể từ thời điểm ông nộp tiền (theo phiếu thu ngày 25/12/2003) diện tích đất đó không còn là đất lấn, chiếm nữa. Sự việc nêu trên diễn ra công khai, ngay tình, ông chỉ biết nộp tiền cho địa phương để được hợp thức hóa việc sử dụng đất, còn việc hợp thức hóa đó có đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hay không và việc sử dụng số tiền đó như thế nào, có được thể hiện trên sổ sách quản lý của chính quyền phường T hay không thì ông không biết và không có nghĩa vụ phải biết.

Ông gửi đơn kiến nghị và trình bày ý kiến tại các buổi tiếp công dân đề nghị Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung phần diện tích 44,2m² mà gia đình ông đã sử dụng từ khi mua đất của ông Đăng. Ngày 25/11/2016, Ủy ban nhân dân quận H trả lời tại Văn bản 2599/UBND-TNMT xác định diện tích đất này là đất lấn chiếm và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua Văn bản số 2599 nêu trên, ông mới được biết diện tích 44,2m² mà gia đình ông đang sử dụng được quy hoạch là đất trường học (ô quy hoạch

D2/TH5).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 thì: “Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật”, trong các quyền đó có quyền được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, gia đình ông không nhận được bất kỳ thông báo hoặc quyết định nào thu hồi diện tích 44,2m² đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên theo quy định tại Điều 19 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì chỉ không được cấp giấy chứng nhận nếu đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, cả 02 (hai) vấn đề đã được nêu trong Văn bản số 2599 của Ủy ban nhân dân quận H đều trái với các quy định của pháp luật và xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 07/01/2017, ông có đơn khiếu nại Văn bản số 2599. Ngày 15/5/2017, ông nhận được Quyết định số 2904/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại có nội dung ông khiếu nại Văn bản số 2599 là không có cơ sở.

Ngày 02/8/2017, ông Nguyễn Văn H khởi kiện đề nghị huỷ Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H bổ sung yêu cầu huỷ Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H và Ủy ban nhân dân quận H trình bày:

Ngày 01/12/2004, Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất ao, vườn liền kề cho 128 hộ tại phường T trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị V được cấp giấy chứng nhận thửa đất số 67 tờ bản đồ số 05, diện tích 130m².

Hiện trạng sử dụng đất: Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất (ngày 20/12/2014) do Công ty tư vấn thiết kế khảo sát đo đạc và bản đồ đo vẽ thì gia đình ông Nguyễn Văn H sử dụng diện tích 174,2m², trong đó có 130m² đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 06 hệ bản đồ năm 1994, phần diện tích còn lại chủ yếu nằm ở thửa 64, tờ bản đồ số 06,

Về quy hoạch sử dụng đất: Một phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận và phần diện tích chênh lệch tăng mà gia đình ông Nguyễn Văn H đang sử dụng thuộc ô quy hoạch C10/TH3 (quy hoạch trường học) theo bản đồ chi tiết quận H tỷ lệ 1:2000.

Phần diện tích 44,2m² đất tăng thêm so với giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Văn H là đất lấn chiếm, đã được cơ quan có thẩm quyền xác định và thuộc quy hoạch là đất trường học (ô quy hoạch D2/TH5 theo quy hoạch phân khu H2-4 được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6499/QĐ-UBND ngày 27/11/2015).

Ngày 26/11/2003, Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành kiểm tra hoạt động xây dựng của gia đình ông H và lập biên bản vi phạm hành chính do ông H có hành vi xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm là 63m², yêu cầu ông H đình chỉ ngay việc vi phạm và khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Ngày 27/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-CTUB xử phạt ông Nguyễn Văn H có hành vi xây dựng công trình trái phép trên đất lấn chiếm.

Ông H kiến nghị Ủy ban nhân dân quận H về việc đình chỉ giấy chứng nhận đã cấp cho gia đình ông, cụ thể cấp bổ sung diện tích 44,2m². Do Ủy ban nhân dân quận H xác định đây là đất lấn, chiếm không phù hợp với quy hoạch đất ở nên ngày 25/11/2016 Ủy ban nhân dân quận H đã ban hành Văn bản số 2599/UBND-TNMT trả lời ông H.

Ông H khiếu nại Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H. Ngày 15/05/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 2904/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: "Việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn H đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 44,2m² đất do gia đình ông đang sử dụng tại số 01 ngõ 362/26 phố N, phường T là không có cơ sở". Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T trình bày:

* Nguồn gốc sử dụng đất:

Hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân phường T hiện đang quản lý có 02 hệ bản đồ và sổ mục kê kèm theo (hệ bản đồ 299 và bản đồ đo năm 1994).

Mảnh đất hiện trạng hộ gia đình ông Nguyễn Văn H đang sử dụng đối chiếu với hồ sơ địa chính phường đang quản lý như sau:

+ Theo hệ bản đồ 299 đo đạc năm 1990 thể hiện: Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02, diện tích 71m², nguồn gốc: Ông cha để lại, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, mục đích sử dụng: Đất vườn, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00151, chủ sử dụng: Đỗ Văn Đ. Một phần diện tích nằm vào thửa số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.550m², loại đất: Chuyên dùng, chủ sử dụng: Ủy ban nhân dân xã, thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: Đất ao và một phần nằm vào diện tích đất chuyên dùng.

+ Theo bản đồ đo vẽ năm 1994: Thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 06,

diện tích 130m² ông Nguyễn Văn H đứng tên sử dụng, loại đất: thổ cư; một phần diện tích nằm vào thửa đất số 64, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.246m², chủ sử dụng: Ủy ban nhân dân, loại đất: Ao hồ.

* Về quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông H như sau:

Theo giấy tờ do gia đình ông H cung cấp được lưu tại Ủy ban nhân dân phường T gồm:

- Ngày 03/05/1994, ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng 117m² đất vườn từ ông Đỗ Văn Đ bằng giấy tờ viết tay (không có xác nhận của chính quyền địa phương).

- Ngày 20/02/2003, Tổ công tác chuyên trách quản lý đất đai của xã T đã tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H. Kết quả kiểm tra thực tế: Phía Đông: 8,2m; Phía Tây: 9,3m; Phía Nam: 16m; Phía Bắc: 18,5m (biên bản không ghi rõ diện tích).

- Ngày 24/12/2003, ông H có đơn xin đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng có chính quyền xác nhận ngày 01/02/2004; ngày 02/9/2003, ông H có đơn xin phép làm nhà có chính quyền xác nhận ngày 08/11/2003.

- Ngày 01/12/2004, Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V tại Quyết định số 1909/QĐ-UB, toàn bộ diện tích 130m² được cấp thuộc tờ bản đồ số 06, thửa đất số 67.

Phần diện tích 44,2m² hiện gia đình ông Nguyễn Văn H đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm vào một phần diện tích thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, hồ sơ địa chính ghi mục đích sử dụng: Ao, đứng tên chủ sử dụng: Ủy ban nhân dân xã (hệ bản đồ đo 299); (quy chiếu sang hệ bản đồ đo năm 1994 thuộc một phần diện tích thửa đất số 64 loại đất: Ao hồ, tờ bản đồ số 06, chủ sử dụng: Ủy ban nhân dân.

* Về quy hoạch:

- Theo bản đồ quy hoạch chi tiết quận H được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt năm 2005 và bản đồ quy hoạch phân khu H2-4 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt năm 2015 thì diện tích hiện trạng gia đình ông H đang quản lý, sử dụng có một phần diện tích nằm vào ô quy hoạch trường học; phần diện tích còn lại nằm vào quy hoạch đất ở làng xóm cải tạo, chỉnh trang. Số tiền ông H đóng góp 100.000.000 đồng năm 2003 không phải là tiền được hợp thức hoá đất như ông H trình bày. Số tiền này ông H tự thỏa thuận nộp cho Ban khánh tiết và Hội người cao tuổi thôn Nam D, không nộp về ngân sách địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V (là vợ ông H) trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HCST ngày 20 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc hủy Văn bản 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H và Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2020 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H và bà V (là vợ ông H) thừa nhận có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân xã T năm 2003, nhưng Ủy ban nhân dân phường T (trước đây là xã T) đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 đình chỉ thi hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông H. Đồng thời, Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của ông H đối với Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T đã kết luận ông H có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường T thực hiện chậm trễ đã dẫn đến diện tích 44,2m² đất gia đình ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung nằm trong quy hoạch, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm thiệt hại cho gia đình ông H. Đất của gia đình ông H không phải đất lấn chiếm mà do gia đình ông H nộp tiền hợp thức hóa mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét thời điểm cũng như việc nộp tiền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T để chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 44,2m² đất đã được hợp thức hóa cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, nghe đương sự trình bày tại phiên tòa đã kết luận: Ông H nộp tiền cho thôn và không cung cấp được tài liệu thể hiện việc nộp tiền hợp thức hóa quyền sử dụng đất. Ông H kê khai diện tích 130m² đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và không có ý kiến về diện tích được cấp giấy chứng nhận. Diện tích 44,2m² đất ông H sử dụng không nằm trong diện tích ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do Ủy ban nhân dân phường T quản lý và xác định ông H lấn chiếm bị xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2003, nhưng chưa xử lý triệt để. Hiện diện tích này nằm trong quy hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Ủy ban nhân dân quận

Hoàng Mai ban hành Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 về việc giải quyết kiến nghị của ông H đề nghị đình chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung diện tích 44,2m² đất và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông H đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H và Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại của ông H đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, Ủy ban nhân dân quận H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T không có kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đây là phiên tòa mở lần thứ hai, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử.

[1.2] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn H đề nghị đình chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích 44,2m² tại số 1 ngõ 362/36 phố N, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hà Nội và Quyết định 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn H đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/8/2017, ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn H đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích 44,2m² tại số 1 ngõ 362/36 phố N, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hà Nội là đảm bảo thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Ông H trình bày không đồng ý với Quyết định 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016. Ngày 29/5/2017, ông H gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại vẫn không được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết nên ông làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H cam kết rút đơn khiếu nại không yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết và ông H lựa chọn Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 33 Luật Tố tụng hành chính.

[1.5] Đơn kháng cáo của đương sự: Ngày 03/3/2020, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng 44,2m² đất của gia đình ông đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H:

- Về thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân quận H ban hành Văn bản 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 về việc giải quyết kiến nghị của ông H đề nghị đình chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích 44,2m² tại số 01 ngõ 362/36 phố N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai 2013.

- Về căn cứ ban hành:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Ngày 03/5/1994, ông Đỗ Văn Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H một mảnh vườn có diện tích là 117m². Hai bên lập giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Theo bản đồ địa chính năm 1990 thể hiện là thửa số 02, tờ số 02 diện tích 71m² loại đất vườn, đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh T cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất năm 1993 mang tên ông Đỗ Văn Đ. Tại bản đồ địa chính năm 1994, thể hiện tại thửa số 67, tờ bản đồ số 6, diện tích 130m² loại đất thổ cư.

Ngày 20/3/2003, Tổ công tác chuyên trách quản lý đất đai của xã T có Biên bản kiểm tra mốc giới đất của hộ ông H tại thửa số 67, tờ bản đồ số 6 theo đó chỉ xác định kích thước các cạnh như sau: Đông: 8,2m; Tây: 9.3m; Nam: 16m; Bắc: 18,5m; không có xác nhận của các hộ liền kề cũng như xác định tổng diện tích đất sử dụng.

Ngày 02/9/2003, ông H có đơn xin phép làm nhà. Ngày 08/11/2003, Ủy ban nhân dân xã T xác nhận tại đơn này với nội dung: *"Yêu cầu làm đúng với biên bản kiểm tra mốc giới ngày 20/3/2003, đóng góp cơ sở hạ tầng với thôn Nam D cho trường thôn như đã được thỏa thuận và chờ khi có ý kiến chỉ đạo của xã và thôn"*.

Ngày 26/11/2003, Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành kiểm tra hoạt động xây dựng của ông H và lập biên bản vi phạm hành chính với nội dung: *"Ông H có hành vi xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm là 63m² cả móng, hiện trạng móng đã buộc sắt, yêu cầu ông H đình chỉ ngay việc vi phạm và khôi phục hiện trạng ban đầu"*. Ngày 27/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có Quyết định số 112/QĐ-CTUB về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, theo đó xử phạt ông Nguyễn Văn H 500.000 đồng và buộc gia đình ông H phải khôi phục lại hiện trạng như trước khi bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra (hẹn đến hết ngày 28/11/2003). Ông H không khiếu nại Quyết định số 112/QĐ-CTUB nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Như vậy, tính đến thời điểm 26/11/2003 diện tích đất ông H đang quản lý, sử dụng đã được xác định có phần diện tích đất vi phạm (lấn chiếm).

Ngày 24/12/2003, ông H có đơn xin đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng có nội dung: *"Được sự thống nhất của lãnh đạo địa phương đồng ý hợp thức hoá mảnh đất gia đình tôi đang ở như đã xây tường bao quanh ba phía và phía ngoài bờ ao được chiếu thẳng tường nhà chú H2 con ông L đang ở, gia đình tôi xin tự nguyện đóng góp cho địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng là 120.000.000 đồng, gia đình tôi xin cam kết không có khiếu kiện gì trong việc đóng góp xây dựng trên"*.

Ngày 25/12/2003, gia đình ông H đã đóng 100 triệu đồng và Ủy ban nhân dân xã T đã không tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 112/QĐ-CTUB ngày 27/11/2003 nên gia đình ông H đã xây dựng nhà và tiếp tục sử dụng.

Ông H cho rằng Ủy ban nhân dân xã T đã cho nộp tiền hợp thức đất và cho phép xây dựng nhà trên diện tích đất này từ năm 2003, tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã (phường) T xác nhận không thu khoản tiền này vào ngân sách xã theo đúng quy định. Thực tế ông H đã nộp 100.000.000đ cho thôn Nam D (thôn

lập phiếu thu). Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, ông H thừa nhận việc ông thỏa thuận nộp số tiền 100 triệu đồng với thôn (người cao tuổi, Ban Khánh tiết đình Nam D và thôn lập phiếu thu). Ông đã nộp 100 triệu, còn 20 triệu ông chờ sau khi Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục thì nộp tiếp, nhưng do xã không tiến hành thủ tục gì nên ông chưa nộp. Lời trình bày của ông H về việc thỏa thuận đóng tiền với thôn phù hợp với lời khai của ông Vũ Văn G - nguyên quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T giai đoạn năm 2003 và ông Vũ Văn C1 - nguyên trưởng thôn Nam D năm 2003 tại Báo cáo số 253 ngày 03/5/2017 của Thanh tra quận H về việc Ban Khánh tiết và Hội người cao tuổi thôn Nam D đồng ý cho ông H sử dụng một phần diện tích đất ao chùa Nam D và ông H tự nguyện đóng góp 120 triệu để xây dựng cơ sở hạ tầng thôn Nam D. Số tiền này không nộp về Ủy ban nhân dân xã T và Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã không có chủ trương hoặc văn bản để ông H sử dụng diện tích ao chùa Nam D. Tại đơn xin đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng đề ngày 24/12/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T chỉ xác nhận nội dung đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của ông H và chữ ký của các thành viên, không có ý kiến gì về việc hợp thức hoá phần diện tích 44,2m².

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền ông H đã nộp cho thôn là tiền đóng góp cơ sở hạ tầng với thôn (tu bổ chùa), trên cơ sở thỏa thuận của ông H với Ban khánh tiết đình Nam D và Hội người cao tuổi chứ không phải là tiền được mua hoặc cấp đất; không phải là nộp tiền để được hợp thức việc sử dụng đất ở là có căn cứ.

Ngày 24/7/2004, ông H kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 130m² đất ở tại thửa số 67, tờ bản đồ số 6. Ngày 1/12/2004, Ủy ban nhân dân quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D674417 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V, diện tích 130m². Tuy nhiên, theo các biên bản kiểm tra mốc giới, kiểm tra hoạt động, xây dựng của Ủy ban nhân dân xã T năm 2003 thì thực tế ông Nguyễn Văn H sử dụng thửa đất có diện tích lớn hơn diện tích ông H kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H không có ý kiến về diện tích đất được cấp là 130m².

Ngày 11/11/2008, Ủy ban nhân dân phường T tiếp tục có Quyết định số 34/QĐ- UBND áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt về lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, theo đó xác định ông H có hành vi xây dựng trái phép, lấn chiếm đất công nhưng do hết thời hiệu xử phạt hành chính, buộc ông H dỡ bỏ toàn bộ phần diện tích xây dựng trên diện tích đất 44,2m². Khi nhận Quyết định số 34, ông H mới khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp bổ sung phần diện tích 44,2m².

Hiện trạng sử dụng đất của ông H theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần tư vấn thiết kế khảo sát đo đạc và bản đồ lập ngày 20/12/2014 có diện tích 174,2m², tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 44,2m². Số đo các cạnh thửa đất cũng không phù hợp với số đo tại Biên bản kiểm tra mốc giới đất do tổ công tác chuyên trách quản lý đất đai xã T lập ngày 20/3/2003.

Như vậy có căn cứ xác định phần diện tích 44,2m² mà ông H đang quản lý sử dụng (từ năm 2003) không nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Đây là phần diện tích đất công do Ủy ban nhân dân xã (phường) T quản lý theo hồ sơ địa chính. Theo bản đồ địa chính năm 1994 thì phần đất này thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 06, chủ sử dụng: Ủy ban nhân dân, loại đất: Ao hồ, do đó được xác định gia đình ông H lấn chiếm từ sau năm 1995. Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã T đã lập hồ sơ xử lý hành vi vi phạm xây dựng trên đất lấn chiếm, nhưng chưa xử lý triệt để, ông H đã tự sử dụng đất có nguồn gốc là ao, hồ do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Hiện trạng trên phần diện tích này có tường rào mái tôn và một phần nhà B3. Đây không phải là đất được giao trái thẩm quyền bởi không có tài liệu nào xác định ông H được Ủy ban nhân dân xã T giao đất.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết quận H tại Quyết định 225/QĐ-UBND ngày 16/12/2005, theo đó diện tích 44,2m² ông H đang sử dụng nằm trong ô quy hoạch C10/TH3 (quy hoạch trường học). Theo bản đồ quy hoạch phân khu đô thị H2-4 tại Quyết định số 6499/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì diện tích đất này thuộc ô quy hoạch D2/TH5 (quy hoạch trường học).

Tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014 của Chính phủ quy định việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 1/7/2014: Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó. Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất nhưng phải giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng không có căn cứ để đình chính theo Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 hoặc cấp bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 44,2m² đất theo đề nghị của ông H do diện tích đất này là đất lấn chiếm và thuộc diện quy hoạch đất trường học. Tuy nhiên, ông H

vẫn có quyền sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.

Ủy ban nhân dân quận H ban hành Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại của ông H đối với Văn bản 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H:

Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H đã giao cho Thanh tra quận quận H tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 03/5/2017, Thanh tra quận H có báo cáo số 253/BC-TT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông H là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông H kháng cáo cho rằng diện tích 63m² đất lấn chiếm ghi trong biên bản vi phạm hành chính đất đai nằm trong 130m² đất gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 44,2m² ông đề nghị cấp bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hình thành sau khi ông nộp tiền hợp thức hóa thấy: Thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, gia đình ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 01/12/2004 hộ gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 130m² nên ông H cho rằng diện tích 63m² đất được xác định là lấn chiếm tại biên bản vi phạm ngày 26/11/2003 nằm trong diện tích 130m² đất gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Mặt khác, tại Bản đồ trích đo lập tháng 7/2008 đã xác định tổng diện tích gia đình ông H thực tế sử dụng là 174,5m², trong đó phần diện tích 44,2m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có 01 phần nhà 03 tầng, sân gạch và nhà quây tôn trên diện tích đất này, phù hợp với biên bản thẩm định ngày 30/12/2019. Thời điểm năm 2003 khi ông H đào móng xây dựng nhà, đã bị chính quyền địa phương lập biên bản xác định hành vi vi phạm xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm và yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm, khôi phục lại hiện trạng nhưng gia đình ông H vẫn tiếp tục xây dựng.

Ngoài ra, ông H còn cho rằng Ủy ban nhân dân phường T đã xác nhận 44,2m² đất gia đình ông đang sử dụng không phải là đất lấn chiếm tại các Tờ khai thuế sử dụng đất thấy: Tại các Báo cáo của Ủy ban nhân dân phường đều xác định 44,2m² đất thuộc một phần thửa số 1 TBĐ số 2, Bản đồ năm 1990 (là thửa số 64 Bản đồ năm 1994); mục đích sử dụng là đất ao và chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân xã. Như vậy, chủ sử dụng đất và mục đích sử dụng của diện tích 44,2m² đất khác với diện tích 130m² đất gia đình ông H được cấp giấy nên các tờ khai thuế đều thể hiện 44,2m² là đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa

sử dụng theo đúng quy định là đúng. Việc ông H cho rằng Ủy ban nhân dân phường xác nhận nội dung như trên tại các tờ khai này đồng nghĩa việc xác nhận 44,2m² đất này không phải đất lấn chiếm là do nhận thức của ông H. Do đó, ông H kháng cáo cho rằng diện tích 44,2m² là đất được hợp thức hóa để công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn H đề nghị đình chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích 44,2m² tại số 1 ngõ 362/36 phố N, tổ 5, phường T, quận H, thành phố Hà Nội và Quyết định 2904/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn H đối với Văn bản số 2599/UBND-TNMT ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận H là có cơ sở.

Về án phí: Ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông H được miễn án phí HCPT;

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H. Trả lại cho ông H số tiền 300.000 đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000280 ngày 15/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

